

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HSST

Ngày 07 / 01 /2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Sơn và bà Nguyễn Thị Kiều Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trình Ngọc Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Thị T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1970 tại Phường 5, Tp. H, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Việt D – SN: 1950 và bà: Đinh Thị B1 – SN: 1952; có chồng và 02 con (Lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/11/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn A (Tên gọi khác: Man) - Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

2/ Đinh Vũ U - (Tên gọi khác: Hiệu) - sinh năm 1981; Nơi cư trú: KP. Đ, thị trấn TH, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

3/ Lê Văn PH – sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

4/ Trần Văn C (Tên gọi khác: Lượm) – sinh năm 1987; Nơi cư trú: KP. D, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

5/ Lê Thị Ngọc E (Tên gọi khác: Phương) – sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Trung, xã N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6/ Huỳnh Ngọc F (Tên gọi khác: F Đen) – sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

7/ Nguyễn Văn G (Tên gọi khác: Chó) – sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

8/ Trình Vũ I – sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn K B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

9/ Nguyễn Phạm Anh M – sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn K B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

10/ Phùng Thị Q – sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn K B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

11/ Võ Khắc S (Tên gọi khác: Chỉnh) – sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn TR, xã Q 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

12/ Trần Khải Y (Tên gọi khác: Y Đen) – sinh năm 1982; Nơi cư trú: KP. Long Thắng, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

13/ Nguyễn Duy A1 (Tên gọi khác: Lùng) – sinh năm 2003; Nơi cư trú: Thôn K A, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

14/ Đào Duy Á – sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các S liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/05/2019 đến 01 giờ 10 phút ngày 23/5/2019, tại khu vực núi Q1 thuộc thôn B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Văn A đã có hành vi tổ chức cho Đinh Vũ Trụ, Lê Văn PH, Trần Văn C, Võ Khắc S, Lê Thị Ngọc E, Phùng Thị Q, Huỳnh Thị T, Huỳnh Ngọc F, Nguyễn Văn G, Nguyễn Phạm Anh M, Trình Vũ I, Nguyễn Duy A1, Trần Khải Y và Đào Duy Á đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.810.000 đồng. Trong đó, số tiền tham gia đánh bạc của từng bị cáo cụ thể như sau: T khi đi đánh bạc mang theo số tiền 800.000đ, T sử dụng 300.000đ để đánh bạc và thua hết 300.000đ.

A khi đi đánh bạc mang theo số tiền 6.500.000 đồng, tại sòng bạc A trả nợ cho M số tiền 1.000.000 đồng, thu tiền xâu của các đối tượng đến đánh bạc số tiền 1.100.000 đồng và sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bắt quả tang A thua hết 1.100.000 đồng, tạm giữ trên người A số tiền 5.500.000 đồng.

Trụ khi đi đánh bạc mang theo số tiền 33.353.000 đồng, sử dụng 2.200.000 đồng để đánh bạc, đưa tiền xâu 100.000 đồng. Khi bắt quả tang, Trụ thua hết số tiền 2.200.000 đồng, tạm giữ trên người Trụ số tiền 31.053.000 đồng.

PH khi đi đánh bạc mang theo số tiền 1.400.000 đồng và sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc PH thua 100.000 đồng. Khi bắt quả tang thu giữ trên người PH số tiền 1.300.000 đồng.

C khi đi đánh bạc mang theo số tiền 220.000 đồng và sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc và thua hết 100.000 đồng. Khi bắt quả tang, tạm giữ trên người C số tiền 120.000 đồng.

Y khi đi đánh bạc mang theo 100.000đ, sử dụng 100.000đ để đánh bạc và thua hết 100.000đ.

G khi đi đánh bạc mang theo số tiền 4.285.000 đồng, trong thời gian đánh bạc, G bán nước, thuốc lá được số tiền 247.000 đồng. G cho A1 số tiền 100.000 đồng, G còn lại số tiền 4.432.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, G thắng được 100.000 đồng, tạm giữ trên người G số tiền 4.532.000 đồng.

E khi đi đánh bạc mang theo số tiền 5.500.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, E thắng được 100.000 đồng và nhặt dưới sông bạc số tiền 1.600.000 đồng. Khi bắt quả tang tạm giữ trên người E số tiền 7.200.000 đồng.

I khi đi đánh bạc mang theo số tiền 700.000 đồng, đưa tiền xâu 100.000 đồng và sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, I thua hết số tiền 600.000 đồng.

Q khi đi đánh bạc mang theo số tiền 6.706.000 đồng, đưa tiền xâu 20.000 đồng và sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Q thua hết số tiền 150.000 đồng. Khi bắt quả tang, thu giữ trên người Q số tiền 6.536.000 đồng.

F khi đi đánh bạc mang theo số tiền 2.800.000 đồng, đến sông bạc được T trả nợ số tiền 500.000 đồng nên F có tổng cộng 3.300.000 đồng và sử dụng 3.300.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, F thắng được 400.000 đồng. Khi bắt quả tang, tạm giữ trên người F số tiền 3.700.000 đồng.

S khi đi đánh bạc mang theo số tiền 400.000 đồng và sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc S thua hết số tiền 400.000 đồng.

M khi đi đánh bạc không mang theo tiền nhưng tại sông bạc M được A trả nợ 1.000.000 đồng và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, M thắng số tiền 1.610.000 đồng. Khi bắt quả tang thu giữ trên người M số tiền 2.610.000 đồng.

A1 khi đi đến sông đánh bạc không mang theo tiền, chỉ đứng xem đánh bạc và được G cho số tiền 100.000 đồng. Trong lúc đứng xem đánh bạc, G đưa cho A1 đặt tiền 04 ván với tổng số tiền 2.000.000 đồng. Khi bắt quả tang, thu giữ trên người A1 số tiền 100.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: *Có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/5/2020 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Đồng Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân.*

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKSĐX ngày 22/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Huỳnh Thị T, về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận bị cáo Huỳnh Thị T, phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS, phạt tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị T 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu ROONEY biển số: 78X11763, số máy: VTH150FMG014440, số khung: RRHDCG4RH8A014440.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 22/5/2019 đến 01 giờ 10 phút ngày 23/5/2019, tại khu vực núi B1 thuộc thôn B, xã X, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, Huỳnh Thị T đã có hành vi đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.710.000 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố bị cáo Huỳnh Thị T, về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội; đặc điểm nhân thân; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên cần xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo. Trong giai đoạn điều tra lại, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan CSĐT đã ra lệnh truy nã và bắt tạm giam từ ngày 06/11/2021. Vì vậy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo Huỳnh Thị T 10.000.000đ (*Mười triệu đồng chẵn*).

Đối với hành vi của Nguyễn Văn A, Đinh Vũ Trụ, Lê Văn PH, Trần Văn C, Võ Khắc S, Lê Thị Ngọc E, Phùng Thị Q, Huỳnh Ngọc F, Nguyễn Văn G, Nguyễn Phạm Anh M, Trình Vũ I, Nguyễn Duy A1, Trần Khải Y, đã bị viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố trong vụ án khác nên HĐXX không xem xét. Riêng Đào Duy Á đã bị tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân xử phạt 06 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt tù.

[4] Về xử lý vật chứng: Xét thấy tài sản thu giữ của Huỳnh Thị T không liên quan đến việc phạm tội, nên áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS. Tuyên

tra lại cho Huỳnh Thị T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROONEY biển số:78X1-1763,số máy:VTH150FMG014440,số khung: RRHDCG4RH8A014440.

Đối với vật chứng đã thu giữ (*Có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/5/2020 giữa Cơ quan CSĐT C an huyện Đồng Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân*), được xử lý trong vụ án khác (Vụ Nguyễn Văn A cùng đồng phạm bị viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố về tội “ Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”) nên HĐXX không xem xét.

[5] Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Huỳnh Thị T, phạm tội: “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 06/11/2021).

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS, phạt bổ sung Huỳnh Thị T 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho Huỳnh Thị T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROONEY biển số: 78X1- 1763, số máy: VTH150FMG014440, số khung: RRHDCG4RH8A014440.

Tạm giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân S sản trả lại của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án về phần hình phạt bổ sung và án phí.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Huỳnh Thị T, phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân (2);
- C an huyện Đồng Xuân (2);
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Trung

